

GIẢI A CLOSER LOOK 2 UNIT 2 SGK TIẾNG ANH 9

1. Match the beginning to the correct endings. (Nối đoạn mở đầu với phần phần còn lại.)

1. It's not as		a. faster than ever.
2. That skyscraper is one		b. to spell better.
3. The exam was		c. than being stuck in a traffic jam.
4. Life in the past was		d. of the tallest buildings in the world.
5. Mexico City is a lot		e. more difficult than I expected.
6. Kids are growing up		f. simple as it looks!
7. Nothing is worse		g. bigger than Rome.
8. These fun cards will encourage kids		h. less comfortable than it is now.

Hướng dẫn giải

1.f	2.d	3.e	4.h
5.g	6.a	7.c	8.b

2. Complete the text with the most suitable form of the ... (Hoàn thành đoạn văn với dạng thích hợp của các tính từ trong ngoặc. Thêm the nếu cần.)

London is one of (1. large) _____ cities in the world. Its population is a lot (2. small) _____ than Tokyo or Shanghai, but it is by far (3. popular) _____ tourist destination. London is probably most famous for its museums, galleries, palaces, and other sights, but it also includes a (4. wide) _____ range of peoples, cultures, and religions than many other places. People used to say that it was (5. dirty) _____ city too, but it is now much (6. clean) _____ than it was. To the surprise of many people, it now has some of (7. good) _____ restaurants in Europe too. For some people, this makes London (8. exciting) _____ city in Europe.

Hướng dẫn giải

1. the largest	2. smaller	3. the most popular	4. wider
5. the dirtiest	6. cleaner	7. the best	8. the most exciting

Tạm dịch

London là một trong những thành phố lớn nhất thế giới. Dân số của nó ít hơn so với Tokyo hoặc Thượng Hải, nhưng đến nay nó là điểm đến du lịch phổ biến nhất. London có lẽ nổi tiếng với các viện bảo tàng, phòng trưng bày, cung điện và các điểm tham quan khác, nhưng nó cũng bao gồm nhiều phạm vi rộng lớn hơn các dân tộc, nền văn hoá và tôn giáo hơn nhiều nơi khác. Mọi người thường nói rằng nó là thành phố bản nhất, nhưng bây giờ nó sạch hơn nhiều. Đáng ngạc nhiên với nhiều người, bây giờ nó có nhiều nhà hàng tốt nhất ở châu Âu. Đối với một số người, điều này làm cho London trở thành phố thú vị nhất ở Châu Âu.

3. Look at the conversation in GETTING STARTED ... (Nhìn vào đoạn hội thoại trong phần Getting Started. Tìm và gạch chân các cụm động từ.)

Duong: Hey, Paul! Over here!

Paul: Hi, Duong! How's it going? Getting over the jet lag?

Duong: Yes, I slept pretty well last night. Hey, thanks so much for showing me around today.

Paul: No worries, it'll be good fun.

Duong: So, are you from around here?

Paul: Me? Yes, I was born and grew up here. Sydney's my hometown.

Duong: It's fabulous. Is it an ancient city?

Paul: No, it's not very old, but it's Australia's biggest city, and the history of our country began here.

Duong: Wow! So what are the greatest attractions in Sydney?

Paul: Well, its natural features include Sydney Harbour, the Royal National Park, and Bondi Beach. Man-made attractions such as the Royal Botanic Gardens, Sydney Opera House, and the Harbour Bridge are also well known to visitors.

Duong: What about transport?

Paul: Public transport here is convenient and reliable: you can go by bus, by train, or light rail. Taxis are more expensive, of course.

Duong: And is Sydney good for shopping?

Paul: Of course! You know, Sydney's a metropolitan and multicultural city, so we have a great variety of things and foods from different countries. I'll take you to Paddington Market later, if you like.

Duong: Wonderful. What about education? Are there many universities?

Paul: Sydney has five big universities and some smaller ones. The oldest of them was set up in 1850, I believe.

Duong: Oh, it sounds like a good place to get higher education. I like this town!

Hướng dẫn giải

to get over	to thank for
-------------	--------------

to show someone around	to grow up
to go by	to be good for
to take someone to	to be set up

4. Underline the correct particle to complete each phrasal verb. (*Gạch chân giới từ thích hợp cho mỗi cụm động từ.*)

- The city has recently set *up/off/out* a library in the West Suburb.
- I don't think Fred gets *over/through/on* with Daniel. They always argue.
- You should take your hat *in/over/off* in the cinema.
- Their children have all grown *up/out/out of* and left home for the city to work.
- We were shown *up/off/around* the town by a volunteer student.
- The town council decided to pull *up/over/down* the building, as it was unsafe.

Hướng dẫn giải

1. set up	2. gets on with	3. take your hats off
4. grown up	5. shown around	6. pull down

5. Underline the phrasal verbs in the sentences (*Gạch chân những cụm động từ trong câu và nối chúng với nghĩa trong bảng.*)

- You don't need the light on in here. Turn it off please.
- They offered him a place at the company but turned it down.
- The doctor wanted to go over the test results with her patient.
- Once you've finished cleaning, you can go on with your work.
- When you come inside, you should take off your coat and hat.

6. The local meeting is on Oct. 15th. Put it down in your diary.

Hướng dẫn giải

remove examine press the switch refuse make a note continue doing

1. Turn it off : press the switch
2. turned it down : refuse
3. go over : examine
4. go on with : continue doing
5. take off : remove
6. Put it down : make a note

6. Read the text and find eight phrasal verbs. Match ... (Đọc đoạn văn và tìm 8 cụm động từ. Nối mỗi cụm động từ với nghĩa thích hợp trong bảng.)

For her first evening's work at the bar, Sarah dressed up. She wore a black skirt and white blouse, as she had been told to look smart. However, when she turned up, she found out that the manager had been less than honest with her about the job. She had to serve the customers and also work in the kitchen. Still, she decided to go on working at the bar for the time being. After all, she was getting on well in the job. Three months later, she saw an advertisement in the paper for a sales assistant at a department store. She thought it over carefully, and decided to apply for it. 'But I won't tell anyone until I've got the new job!' she thought. The prospect of doing something different cheered her up considerably.

consider ask for (a job) arrive put on smart clothes discover continue
make someone feel happier



_____	put on smart clothes
_____	arrive
_____	discover
_____	continue
_____	make progress
_____	consider
_____	ask for (a job)
_____	make someone feel happier

Hướng dẫn giải

<u>dress up</u>	put on smart clothes
<u>turn up</u>	arrive
<u>find out</u>	discover
<u>go on</u>	continue
<u>get on</u>	make progress
<u>think sth over</u>	consider
<u>apply for</u>	ask for (a job)
<u>cheer sb up</u>	make someone feel happier

Hướng dẫn dịch

Vào buổi tối làm việc đầu tiên ở quán rượu, Sarah ăn mặc đẹp đẽ. Cô mặc một chiếc váy ngắn màu đen và áo choàng trắng, trông cô rất duyên dáng. Tuy nhiên, khi cô đến, cô thấy người quản lý không mấy trung thực với cô về công việc. Cô vừa phải phục vụ khách vừa phải làm việc trong nhà bếp. Ấy thế mà, cô vẫn quyết định tiếp tục làm việc trong một thời gian. Sau tất cả, cô đã tiến bộ nhiều trong công việc. Ba tháng sau, cô nhìn thấy một mẫu tin quảng cáo trên báo đăng tuyển nhân viên bán hàng cho một cửa hàng bách hóa. Cô cân nhắc cẩn thận và quyết định nộp đơn ứng tuyển. "Nhưng tôi sẽ không nói với ai cho đến khi nhận công việc mới" - cô nghĩ. Tin tưởng vào việc thực hiện những điều khác biệt đã làm cho cô cảm thấy hạnh phúc hơn.